



Sắc xanh áp đảo

07/07/2025

Chỉ số	VNI	HNX	UPCOM
Đóng cửa	1,402.06	235.90	101.61
% ngày	1.09	1.46	0.43
% tuần	1.13	2.06	0.55
% tháng	3.06	0.73	2.18
% năm	8.37	-3.87	2.96
% từ đầu năm	9.49	2.23	6.43
GTGD (tỷ VNĐ)	28,326	2,202	659
% ngày	0.34	0.43	-0.09
GD NDTNN			
Mua	3,985	145	12
Bán	2,758	78	49
Ròng	1227.28	66.76	-37.15
Độ rộng thị trường			
Số mã tăng	240	101	190
Số mã giảm	88	71	137
Không đổi	82	136	558
Chỉ số chính			
Vốn hóa (Nghìn tỷ)	6,065	370	1,431
P/E	13.76	25.58	15.31
P/B	1.78	1.52	2.25
LS cổ tức	6.99%	3.74%	4.91%

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

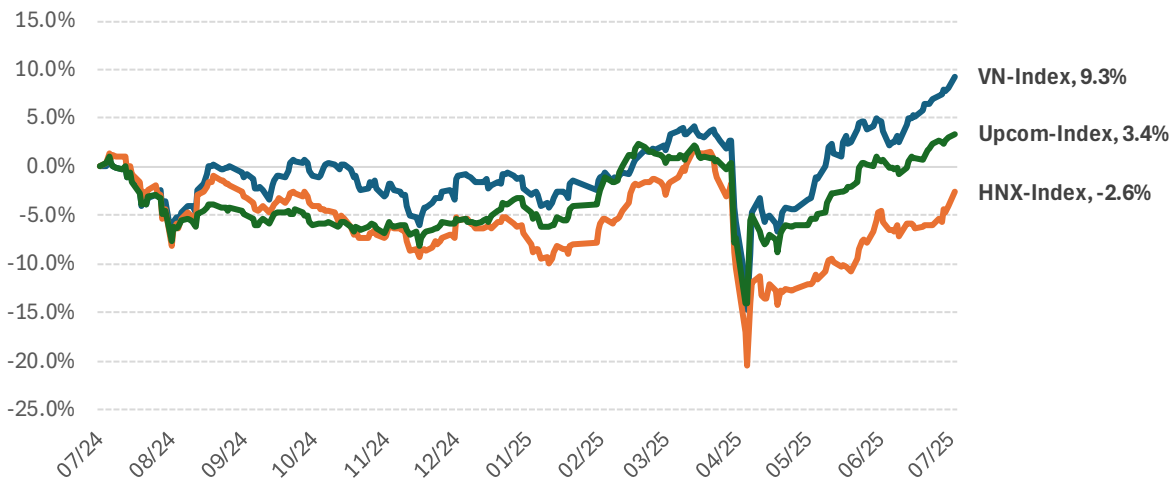
- Các chỉ số TTCK Việt Nam tiếp tục tăng mạnh ở các chỉ số trong đó VN30-Index (1.34%), VNMID-Index (0.83%), VNSML-Index (0.63%).
- Ngân hàng, Bất động sản và Dịch vụ tài chính là 3 nhóm đóng góp chính vào đà tăng của VN-Index có thể đến từ kỳ vọng kết quả kinh doanh quý 2 của nhóm này. Ngược lại, Du lịch và giải trí, Bảo hiểm gây giảm chỉ số nhưng chỉ với mức giảm rất nhẹ.
- HPG (1.51%) tăng phiên thứ 4 liên tiếp với thông tin tích cực xuất hiện cuối tuần khi Việt Nam chính thức áp thuế HRC đối với Trung Quốc. HPG cùng với SHB, VIX, SHB là top cổ phiếu dẫn đầu về thanh khoản hôm nay.
- NDT nước ngoài mua ròng phiên thứ 4 liên tiếp với giá trị 1257 tỷ đồng tập trung tại SHB (553 tỷ), FPT (288 tỷ), SSI (198 tỷ). Ngược lại, GEX (316 tỷ), VCB (138 tỷ), MWG (60 tỷ) là top cổ phiếu bị rút ròng bởi khối ngoại.

QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

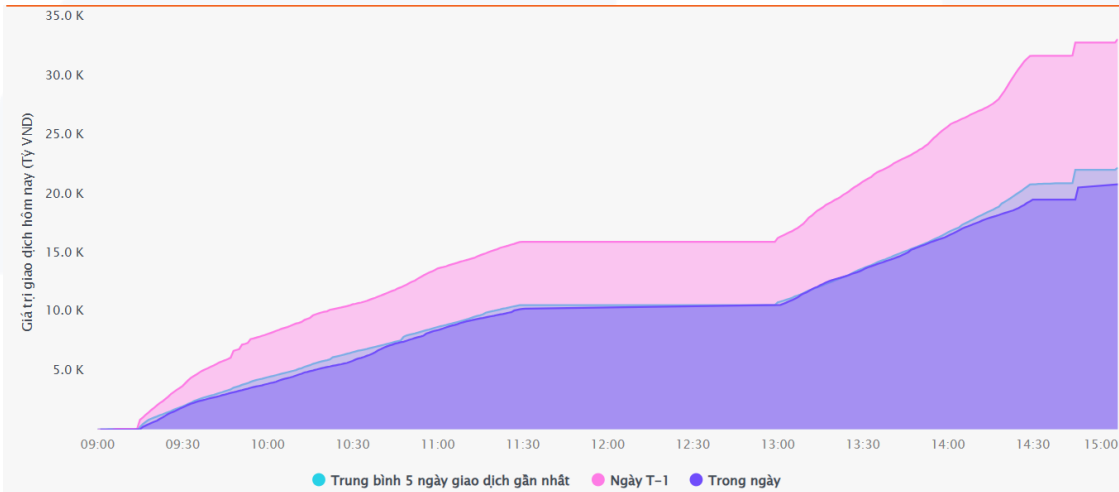
- Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ xuất hiện nhịp điều chỉnh trong phiên kế tiếp và chỉ số VN-Index có thể sẽ thử thách lại vùng hỗ trợ mới 1,388 – 1,393 điểm. Đồng thời, thị trường vẫn đang trong giai đoạn biến động mạnh theo chiều hướng tích cực và rủi ro ngắn hạn vẫn ở mức thấp cho nên chúng tôi kỳ vọng xu hướng TĂNG ngắn hạn có thể sẽ tiếp tục mở rộng về các mức cao hơn với mức kháng cự kế tiếp là 1,415 điểm.
 - Chiến lược ngắn hạn (dưới 1 tháng): Chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư có thể tiếp tục nắm giữ tỷ trọng cổ phiếu cao trong danh mục và tiếp tục tận dụng nhịp điều chỉnh để gia tăng tỷ trọng cổ phiếu hoặc mua mới.
- Tham khảo tín hiệu mua/bán cổ phiếu tại: <https://ysradar.yuanta.com.vn/>

Nguồn: FiinProX, Yuanta Việt Nam

Diễn biến các chỉ số chính



Thanh khoản thị trường trong phiên trên sàn HSX

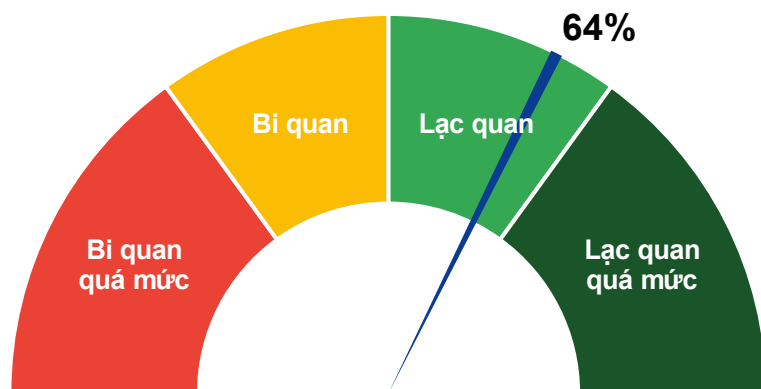


Xu hướng các chỉ số chính

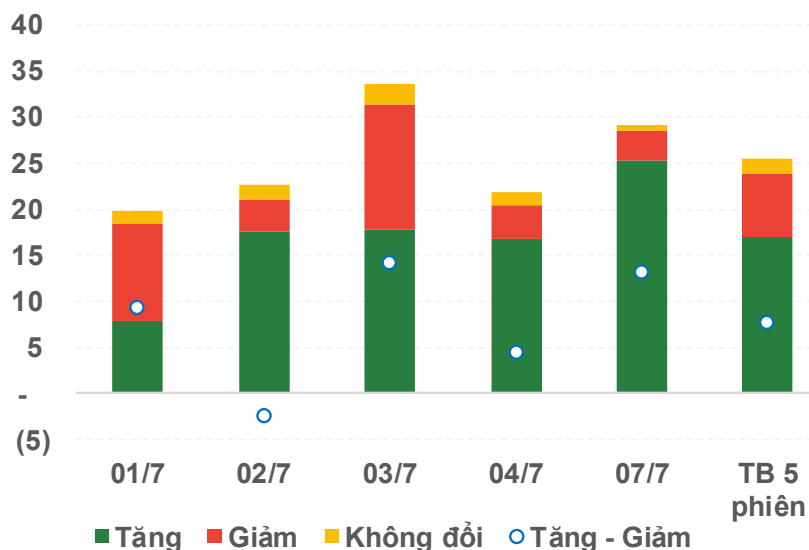
DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG								XU HƯỚNG THỊ TRƯỜNG					
	Đóng cửa	% ngày	% tuần	% tháng	% năm	% từ đầu năm	Vốn hóa (Nghìn tỷ)	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
VN-Index	1,402.06	1.09	1.13	3.06	8.37	9.49	6,065	TĂNG	TĂNG	1,300	1,330	870	800
HNX-Index	235.90	1.46	2.06	0.73	-3.87	2.23	370	TĂNG	TĂNG	260	306	189	160
Upcom-Index	101.61	0.43	0.55	2.18	2.96	6.43	1,431	TĂNG	TĂNG	100	120	90	80
VN30-Index	1,508.66	1.34	0.87	3.73	13.59	10.71	4,158	TĂNG	TĂNG	1,336	1,350	980	960
VNMidcaps	2,054.35	0.83	3.24	3.91	2.79	7.20	1,049	TĂNG	TĂNG	1,280	1,250	963	900
VNSmallcaps	1,473.89	0.63	1.32	-0.57	-4.40	0.94	268	TĂNG	TĂNG	1,250	1,250	804	750

Nguồn: FiinProX, Yuanta Việt Nam

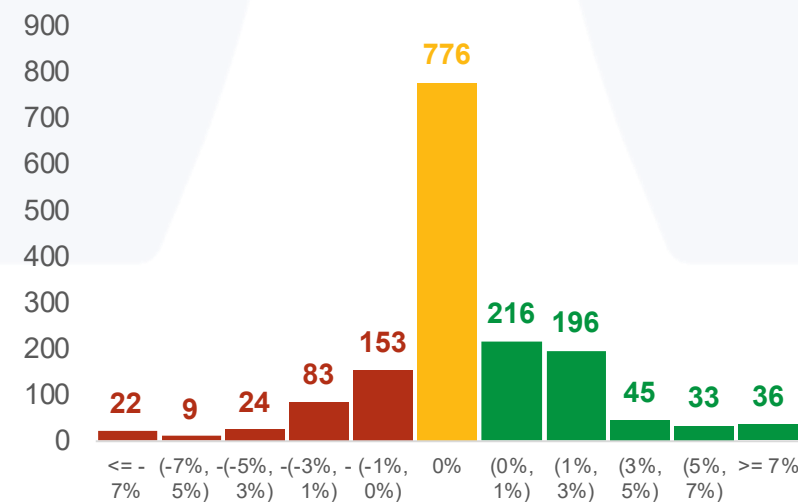
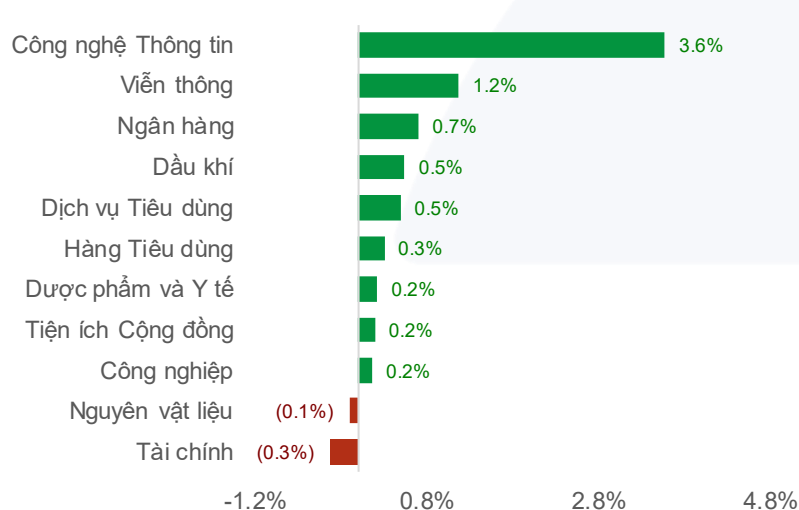
Chỉ báo tâm lý thị trường



Phân bổ dòng tiền



Độ rộng thị trường

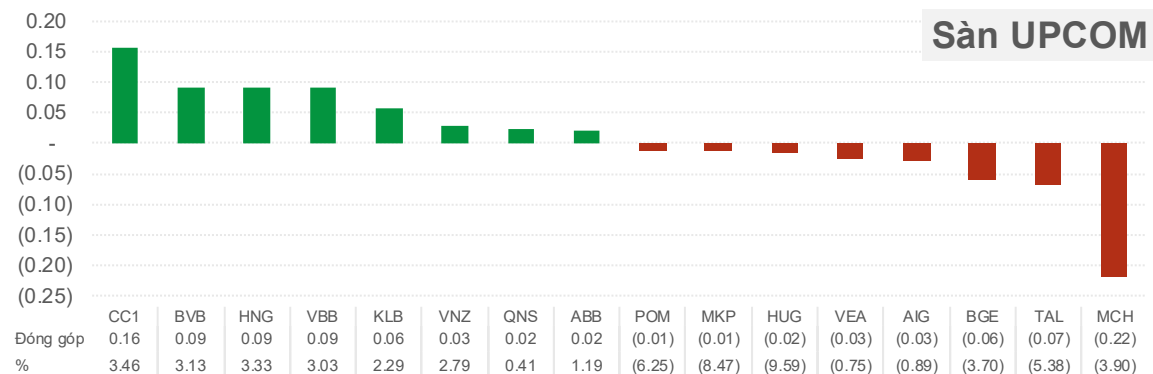
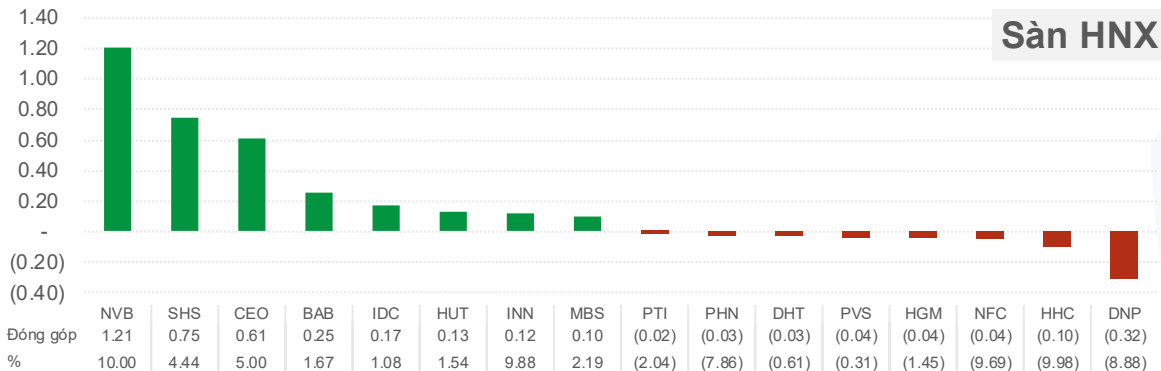
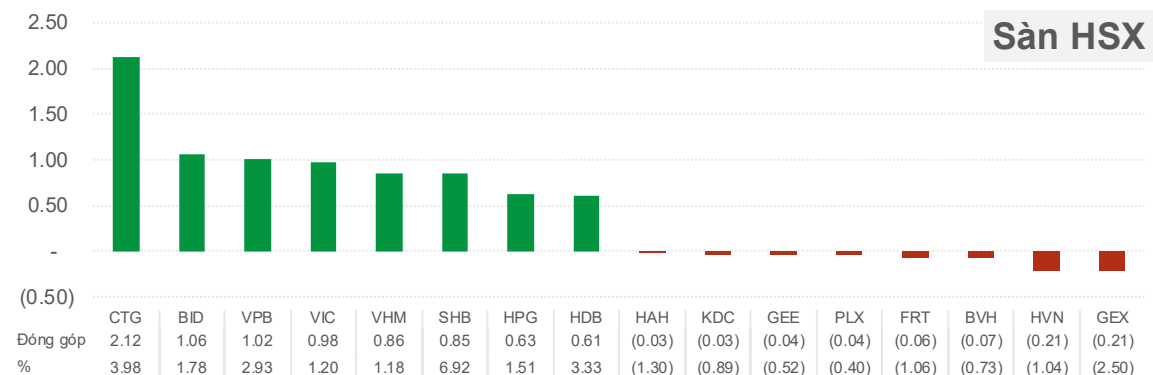


Diễn biến chỉ báo tâm lý thị trường

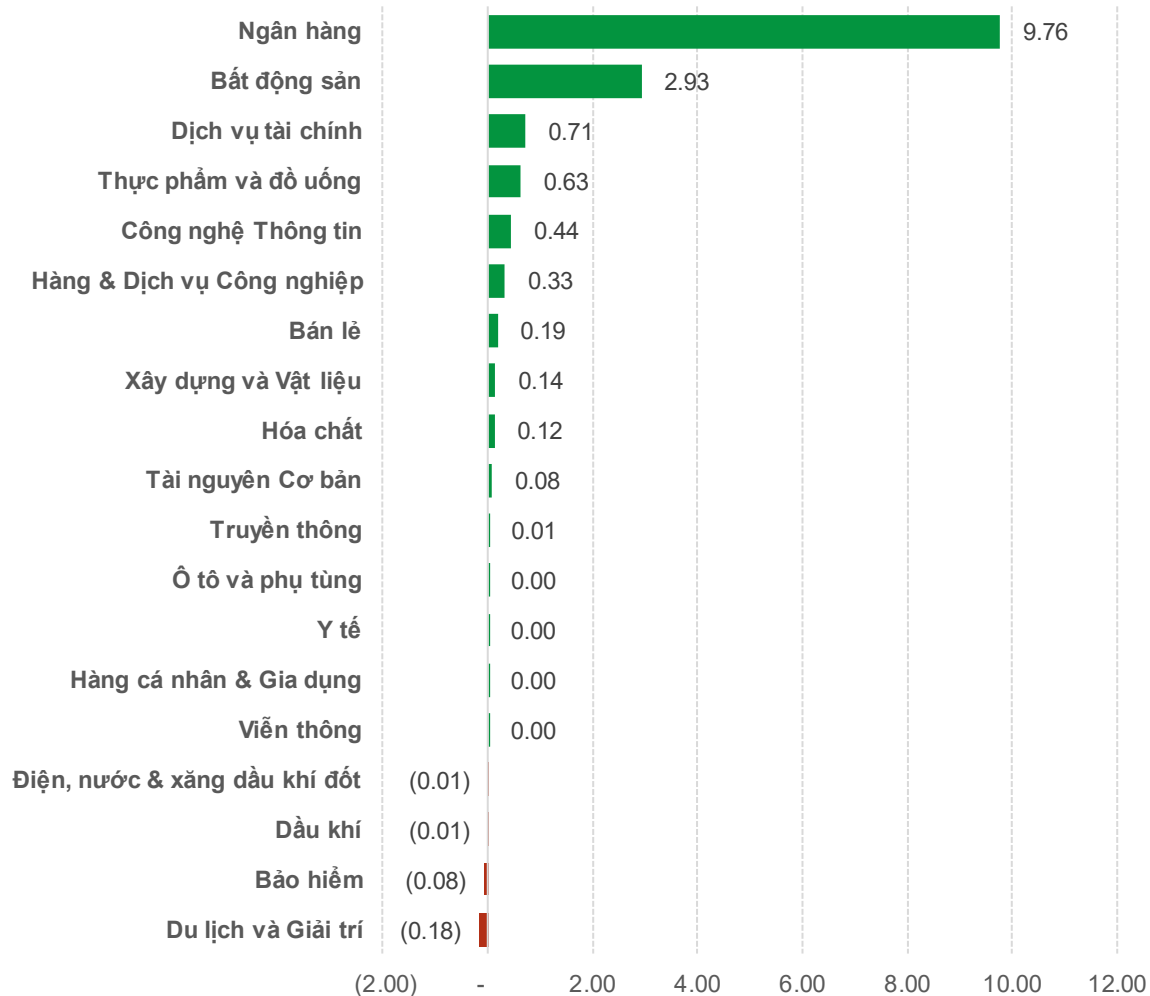


Nguồn: FiinProX, Yuanta Việt Nam

Top 10 cổ phiếu đóng góp lớn nhất vào đà tăng/ giảm chỉ số



Top 10 ngành đóng góp lớn nhất vào đà tăng/giảm của VN-Index



Nguồn: Bloomberg, Yuanta Việt Nam

THỐNG KÊ DIỄN BIẾN NHÓM NGÀNH



Biến động các nhóm ngành

Nhóm ngành	% ngày	% tháng	% năm	% từ đầu năm	PE	PB	Vốn hoá (Tỷ đồng)
Bán lẻ	1.12	8.86	8.65	9.73	23.49	3.37	158.56
Bảo hiểm	1.85	5.16	16.69	7.24	14.65	1.47	80.55
Bất động sản	-0.62	-1.02	52.39	53.33	17.51	1.72	1,273.61
Công nghệ Thông tin	3.57	5.85	-8.02	-17.54	21.34	4.34	203.00
Dầu khí	0.54	3.51	-10.90	-4.97	32.66	1.18	148.66
Dịch vụ tài chính	0.27	3.59	3.57	10.33	19.49	1.52	300.97
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.19	1.34	2.86	5.23	15.45	1.71	437.53
Du lịch và Giải trí	0.19	3.52	25.04	28.65	27.65	5.80	325.80
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.05	-3.28	9.37	0.10	15.52	2.52	603.04
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.43	4.14	-1.61	-5.89	11.11	1.36	80.05
Hóa chất	-0.74	4.75	-4.53	0.93	18.66	1.82	252.58
Ngân hàng	0.70	5.19	16.42	8.93	9.70	1.52	2,354.25
Ô tô và phụ tùng	2.34	3.00	-7.04	3.96	39.11	1.52	33.52
Tài nguyên Cơ bản	0.39	4.76	16.39	17.10	19.51	1.44	317.81
Thực phẩm và đồ uống	0.28	3.28	3.65	-3.99	17.51	2.63	675.41
Truyền thông	0.34	-0.57	-19.00	-1.83	(74.73)	2.00	18.69
Viễn thông	1.17	7.28	-20.80	-13.77	38.07	5.94	278.94
Xây dựng và Vật liệu	0.67	-1.03	5.87	2.24	10.68	1.43	259.63
Y tế	0.22	0.89	19.13	7.48	15.47	1.54	62.98

Thanh khoản giữa các nhóm ngành

Nhóm ngành	% ngày	GTGD	TB 1 tuần	TB 1 tháng
Công nghệ Thông tin	3.6%	1,773	1,260	936
Ô tô và phụ tùng	2.3%	314	227	232
Bảo hiểm	1.9%	50	46	38
Viễn thông	1.2%	88	62	64
Bán lẻ	1.1%	828	970	862
Ngân hàng	0.7%	4,707	5,600	5,569
Xây dựng và Vật liệu	0.7%	1,243	1,347	1,286
Dầu khí	0.5%	325	419	711
Tài nguyên Cơ bản	0.4%	879	1,150	1,181
Truyền thông	0.3%	52	42	68
Thực phẩm và đồ uống	0.3%	1,478	2,278	1,990
Dịch vụ tài chính	0.3%	3,700	4,431	3,101
Y tế	0.2%	34	88	89
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.2%	407	403	470
Du lịch và Giải trí	0.2%	246	301	310
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.1%	1,551	1,718	1,483
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.4%	251	401	266
Bất động sản	-0.6%	4,589	4,396	4,129
Hóa chất	-0.7%	842	1,131	1,076

Nguồn: FiinProX, Yuanta Việt Nam

THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI



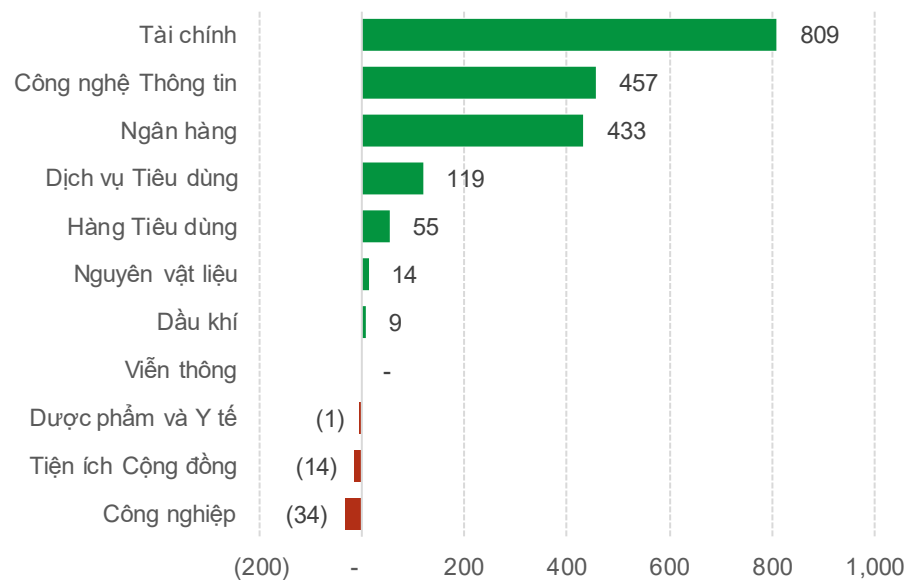
Sàn HSX

Sàn HNX

Sàn UPCOM

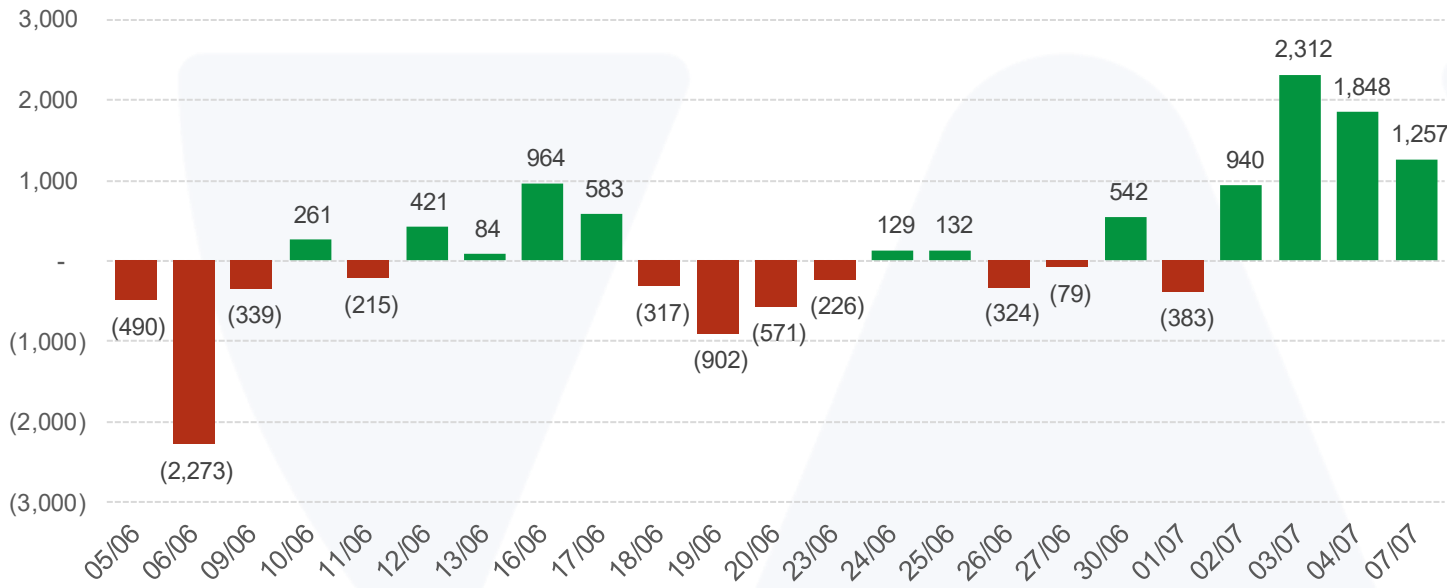
Mã	%	Mua Ròng	Mã	%	Bán Ròng	Mã	%	Mua Ròng	Mã	%	Bán Ròng	Mã	%	Mua Ròng	Mã	%	Bán Ròng
SHB	6.92%	553.2	GEX	-2.50%	(316.3)	SHS	4.44%	80.3	PVS	-0.31%	(26.2)	QNS	0.39%	2.8	ACV	-1.45%	(19.6)
FPT	1.06%	287.9	VCB	0.34%	(138.3)	CEO	5.00%	12.9	IDC	1.08%	(4.7)	PAT	-0.11%	1.3	MCH	-1.67%	(19.0)
SSI	1.54%	197.7	MWG	0.30%	(59.7)	MBS	2.19%	8.5	TIG	-1.33%	(2.6)	CSI	-1.44%	0.4	VEA	-0.34%	(1.2)
HPG	1.51%	153.4	NKG	0.37%	(30.1)	TNG	0.96%	5.0	VGS	2.45%	(2.5)	HNG	2.83%	0.2	HBC	-1.86%	(0.7)
CTG	3.98%	126.6	HAH	-1.30%	(29.9)	DTD	2.37%	1.1	VCS	-0.81%	(1.2)	MA1	0.00%	0.1	HPD	0.42%	(0.7)

Giao dịch khối ngoại theo nhóm ngành



Đơn vị: Tỷ đồng

Giao dịch khối ngoại ròng trong 1 tháng gần nhất



Nguồn: FiinProX, Yuanta Việt Nam

Top tự doanh mua bán ròng tại 3 sàn

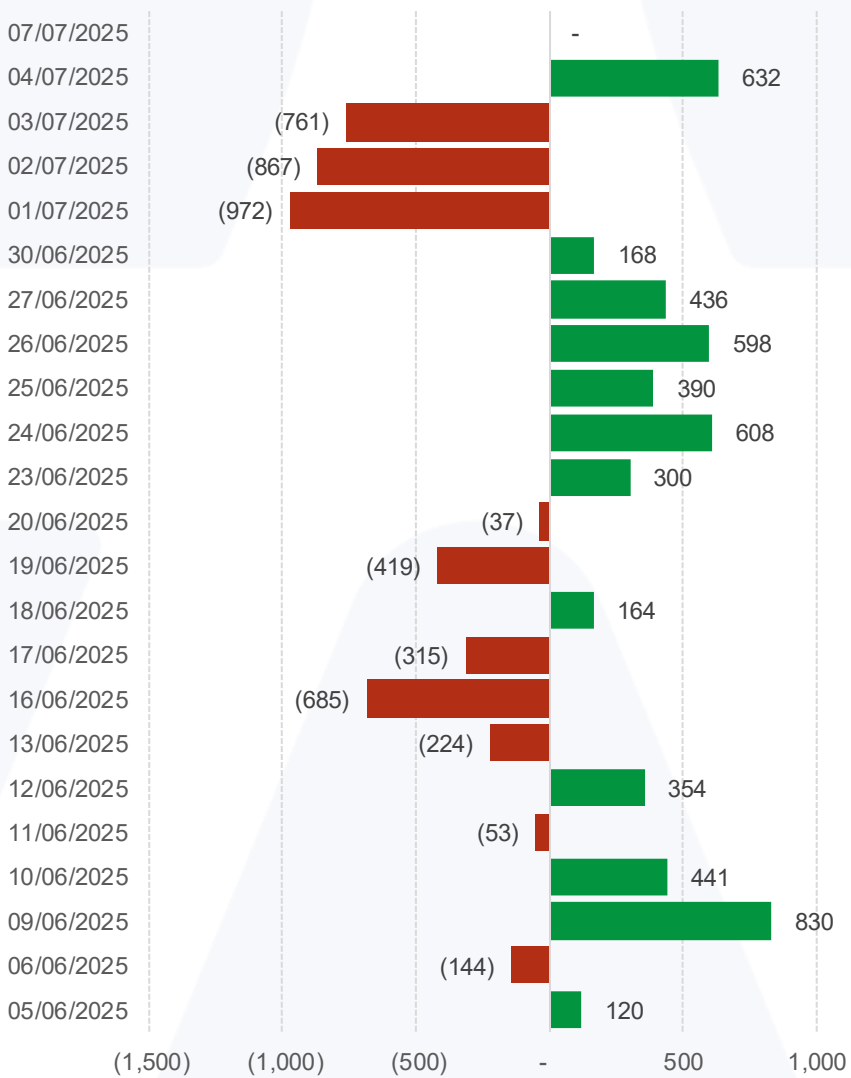
Sàn HSX							
Mã	Đóng cửa	Thay đổi	Mua Ròng	Mã	Đóng cửa	Thay đổi	Bán Ròng
FPT	123,800	1.06%	164.4	FUEVTVND	34,060	0.53%	(159.6)
HAG	13,550	1.50%	115.0	VSC	16,550	-1.49%	(62.0)
MBB	26,400	1.54%	84.9	VIB	18,700	1.63%	(9.2)
VCB	58,600	0.34%	54.8	HDB	23,300	3.33%	(3.9)
TCB	35,300	1.00%	32.8	FUESSVFL	25,420	1.88%	(2.5)

Sàn HNX							
Mã	Đóng cửa	Thay đổi	Mua Ròng	Mã	Đóng cửa	Thay đổi	Bán Ròng
			-				-
			-				-
			-				-
			-				-
			-				-

Sàn UPCOM							
Mã	Đóng cửa	Thay đổi	Mua Ròng	Mã	Đóng cửa	Thay đổi	Bán Ròng
VGR	63,000	-1.74%	89.9	BGE	5,200	0.00%	(1.0)
TSJ	32,800	0.00%	47.5				-
MCH	123,200	-1.67%	21.1				-
ACV	96,000	-1.45%	10.5				-
MPC	14,000	-1.14%	1.5				-

Đơn vị: Tỷ đồng

Giao dịch tự doanh ròng trong 1 tháng gần nhất



Nguồn: FiinProX, Yuanta Việt Nam

Phòng Nghiên cứu và Phân tích - Khối Khách hàng cá nhân

+84 28 3622 6868 ext 3826

research.re@yuanta.com.vn

Global Disclaimer

- © 2020 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.
- This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.
- Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written consent of Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited.